CHÍNH PHỦ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 69/2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020*

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2016/NĐ-CP NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC BẦU, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, ĐIỀU ĐỘNG, CÁCH CHỨC THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Cán cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 7 như sau:

"1. Đối với đơn vị hành chính ở nông thôn

c) Xã loại I, loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; xã loại III có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

2. Đối với đơn vị hành chính ở đô thị

c) Phường, thị trấn loại I, loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phường, thị trấn loại III có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Từ ngày Nghị định này có hiệu lực cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026, số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn loại II tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2)